

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - HUẾ
THÀNH PHỐ HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 09/3/2026.

V/v: “Ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Vy và bà Cái Diệu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Ngọc Trinh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế, thành phố Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Huế, thành phố Huế tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế, số 174A đường Lý Thánh Tông, xã Phú Lộc, thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 256/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2025, về việc: “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2026/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2026/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2026; Thông báo mở lại phiên tòa số 1153/2026/TB-TA ngày 27 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Lý L, sinh năm 1997; Căn cước công dân số 040197007XXX, cấp ngày 04/8/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc Bộ Công an; nơi thường trú: Xóm N, xã T, tỉnh Nghệ An; địa chỉ liên hệ: Số N đường L, phường V, thành phố Huế; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Công H - Luật sư của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên C, Đoàn Luật sư thành phố Huế; địa chỉ: Số N đường L, phường V, thành phố Huế; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lương Nhật Q, sinh năm 1998; Căn cước công dân số 046098007XXX, cấp ngày 10/8/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc Bộ Công an; địa chỉ: Thôn M, xã V (xã V cũ), thành phố Huế; vắng mặt lần hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 22 tháng 12 năm 2025 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Trần Thị Lý L trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Lý L và anh Lương Nhật Q có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Ủy

ban nhân dân xã V, thành phố Huế) vào ngày 15/10/2024. Sau khi kết hôn vợ chồng sống có hạnh phúc một thời gian, sau đó xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, giữa vợ chồng thường xuyên cãi vã, đã hết tình cảm với nhau. Từ tháng 8 năm 2025, chị L và anh Q sống ly thân từ đó cho đến nay. Hiện tại chị L và anh Q không còn cuộc sống chung của vợ chồng, đã ăn ở riêng, mỗi người tự lo cuộc sống, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay nguyên đơn là chị Trần Thị Lý L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh Lương Nhật Q.

Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn trình bày quá trình chung sống vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, người khởi kiện đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:

Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; bản sao căn cước công dân của Trần Thị Lý L, Lương Nhật Q.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập và các Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Lương Nhật Q về việc chị Trần Thị Lý L xin ly hôn. Tuy nhiên, hết thời hạn luật định anh Q không có văn bản trình bày ý kiến. Tòa án cũng đã nhiều lần thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Lương Nhật Q đều vắng mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 30/01/2026, gia đình anh Lương Nhật Q cho biết, bị đơn có nơi thường trú tại thôn 2, xã V (xã V cũ), thành phố Huế. Gia đình đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và giao lại cho anh Lương Nhật Q nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc.

Tại phiên tòa ngày 26/02/2026, Tòa án đã mở phiên tòa đưa vụ án ra xét xử nhưng do bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 05/03/2026, nhưng vì lý do khách quan nên Tòa án đã có Thông báo mở lại phiên tòa vào ngày 09/3/2026; đồng thời tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định nhưng bị đơn tiếp tục vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia các Phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố

tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Lý L. Về án phí đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo Điều 175, Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nêu trên là hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Lý L và anh Lương Nhật Q có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Huế) vào ngày 15/10/2024, trên cơ sở tự nguyện. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn (Trần Thị Lý L) và anh Lương Nhật Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét về quá trình hôn nhân giữa nguyên đơn và anh Lương Nhật Q, Hội đồng xét xử thấy rằng, trong quá trình sống chung, giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không tôn trọng nhau, không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không được. Từ tháng 8 năm 2025, chị L và anh Q đã sống ly thân. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cũng không hòa giải được do bị đơn vắng mặt. Điều đó chứng tỏ hôn nhân của vợ chồng đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Lý L.

[2.2] Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Lý L và anh Lương Nhật Q không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Lý L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Trần Thị Lý L. Chị Trần Thị Lý L được ly hôn anh Lương Nhật Q.

2. Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Lý L và anh Lương Nhật Q không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn là chị Trần Thị Lý L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Trần Thị Lý L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001425 ngày 22 tháng 12 năm 2025 tại Thị hành án dân sự thành phố Huế. Chị Trần Thị Lý L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 4-Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Phòng THADS khu vực 4-Huế;
- Đường sự;
- UBND xã V (ĐKKH ngày 15/10/2024);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Ngọc Tú